

Số: **415** /BC-UBND

*Bắc Kạn, ngày **19** tháng 6 năm 2025*

BÁO CÁO

Tình hình phân bổ các nguồn kinh phí chưa giao chi tiết từ đầu năm và nguồn kinh phí bổ sung trong năm 2025; tình hình sử dụng nguồn dự phòng ngân sách cấp tỉnh năm 2025
(Tính đến ngày 18/6/2025)

Căn cứ Luật Ngân sách Nhà nước ngày 25/6/2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Chứng khoán, Luật Kế toán, Luật Kiểm toán độc lập, Luật Ngân sách nhà nước, Luật Quản lý, sử dụng tài sản công, Luật Quản lý thuế, Luật Thuế thu nhập cá nhân, Luật Dự trữ quốc gia, Luật Xử lý vi phạm hành chính ngày 29/11/2024; Nghị quyết số 79/NQ-HĐND ngày 09/12/2024 của Hội đồng nhân dân tỉnh về dự toán ngân sách địa phương và phân bổ ngân sách cấp tỉnh năm 2025, Ủy ban nhân dân tỉnh báo cáo Hội đồng nhân dân tỉnh về tình hình phân bổ các nguồn kinh phí chưa giao chi tiết từ đầu năm và nguồn kinh phí bổ sung trong năm 2025 (tính đến ngày 18/6/2025) như sau:

I. Tổng nguồn kinh phí chưa giao chi tiết từ đầu năm, nguồn kinh phí chuyển nguồn và bổ sung trong năm 2025 là 1.323.358 triệu đồng

1. Nguồn chưa giao chi tiết từ dự toán đầu năm (tại Quyết định số 2199/QĐ-UBND ngày 10/12/2024 của UBND tỉnh) là: 262.334 triệu đồng

a) Nguồn cân đối ngân sách tỉnh điều hành năm 2025: 235.252 triệu đồng, gồm:

- Vốn đầu tư nguồn ngân sách địa phương cân đối: 14.960 triệu đồng.
- Vốn sự nghiệp nguồn ngân sách địa phương cân đối: 164.538 triệu đồng.
- Dự phòng ngân sách tỉnh điều hành: 55.754 triệu đồng.

b) Nguồn Trung ương bổ sung có mục tiêu trong dự toán đầu năm: 27.082 triệu đồng, gồm:

- Vốn đầu tư nguồn vốn nước ngoài: 19.656 triệu đồng.
- Vốn sự nghiệp hỗ trợ địa phương sản xuất lúa năm 2025: 7.426 triệu đồng.

2. Nguồn chuyển nguồn năm 2024 sang năm 2025: 580.306 triệu đồng

a) Nguồn CTMTQG năm 2022, 2023, 2024 được chuyển nguồn sang năm 2025 theo quy định, tuy nhiên không được phép điều chỉnh sang các dự án khác nên không tiếp tục phân bổ, sẽ hoàn trả ngân sách Trung ương: 18.223 triệu đồng, bao gồm:

- Vốn đầu tư: 2.207 triệu đồng.

- Vốn sự nghiệp: 16.016 triệu đồng.

b) Nguồn kinh phí chi thường xuyên năm 2024 đã chuyển nguồn sang năm 2025 thuộc ngân sách cấp tỉnh quản lý tại Kho bạc Nhà nước cho các đơn vị sau sắp xếp năm 2025: 41.617 triệu đồng.

c) Nguồn Trung ương bổ sung có mục tiêu năm 2024 chuyển nguồn sang năm 2025 chưa phân bổ: 200.000 triệu đồng (Nguồn dự phòng ngân sách trung ương năm 2024 để hỗ trợ khắc phục thiên tai).

d) Nguồn tăng thu, tiết kiệm chi ngân sách cấp tỉnh năm 2024 chuyển nguồn sang năm 2025: 231.113 triệu đồng.

e) Nguồn thực hiện chính sách tiền lương năm 2024 chuyển nguồn sang năm 2025: 72.033 triệu đồng.

g) Nguồn NSTW bổ sung thực hiện chính sách an sinh xã hội năm 2024 chuyển sang năm 2025: 17.320 triệu đồng.

3. Nguồn bổ sung trong năm 2025: 480.718 triệu đồng

a) Kinh phí hỗ trợ cho người chăn nuôi bị thiệt hại do bệnh Dịch tả lợn Châu Phi và bệnh Viêm da nổi cục năm 2024: 20.703 triệu đồng.

b) Phân bổ sử dụng nguồn tiết kiệm 5% chi thường xuyên năm 2024 để hỗ trợ xóa nhà tạm, nhà dột nát cho hộ nghèo, hộ cận nghèo: 146 triệu đồng.

c) Bổ sung dự toán chi thường xuyên NSNN năm 2025 cho các bộ, cơ quan ở trung ương và các địa phương thực hiện Chương trình MTQG giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021- 2025: 138.371 triệu đồng.

d) Bổ sung dự toán chi thường xuyên NSNN năm 2025 của các bộ cơ quan ở Trung ương và các địa phương thực hiện CTMTQG PT KTXH vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi: 321.498 triệu đồng.

II. Số kinh phí đã phân bổ chi tiết cho các đơn vị, địa phương (đã bao gồm các Tờ trình của Sở Tài chính đến ngày 18/6/2024) là 981.719 triệu đồng

1. Nguồn chưa giao chi tiết từ dự toán đầu năm: 86.183 triệu đồng

a) Nguồn cân đối ngân sách tỉnh điều hành năm 2025: 59.101 triệu đồng, gồm:

b) Nguồn Trung ương bổ sung có mục tiêu trong dự toán đầu năm: 27.082 triệu đồng.

2. Nguồn chuyển nguồn năm 2024 sang năm 2025: 414.964 triệu đồng

a) Nguồn kinh phí chi thường xuyên năm 2024 đã chuyển nguồn sang năm 2025 thuộc ngân sách cấp tỉnh quản lý tại Kho bạc Nhà nước cho các đơn vị sau sắp xếp năm 2025: 41.617 triệu đồng.

b) Nguồn Trung ương bổ sung có mục tiêu năm 2024 chuyển nguồn sang năm 2025 chưa phân bổ: 200.000 triệu đồng.

c) Nguồn tăng thu, tiết kiệm chi ngân sách cấp tỉnh năm 2024 chuyển nguồn sang năm 2025: 145.024 triệu đồng.

d) Nguồn thực hiện chính sách tiền lương năm 2024 chuyển nguồn sang năm 2025: 28.323 triệu đồng.

3. Nguồn bổ sung trong năm: 480.572 triệu đồng

a) Kinh phí hỗ trợ cho người chăn nuôi bị thiệt hại do bệnh Dịch tả lợn Châu Phi và bệnh Viêm da nổi cục năm 2024: 20.703 triệu đồng.

b) Bổ sung dự toán chi thường xuyên NSNN năm 2025 cho các bộ, cơ quan ở trung ương và các địa phương thực hiện Chương trình MTQG giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021- 2025: 138.371 triệu đồng.

c) Bổ sung dự toán chi thường xuyên NSNN năm 2025 của các bộ cơ quan ở Trung ương và các địa phương thực hiện CTMTQG PT KTXH vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi: 321.498 triệu đồng.

III. Số kinh phí chưa phân bổ là 341.639 triệu đồng, trong đó:

1. Nguồn chưa giao chi tiết từ dự toán đầu năm: 176.151 triệu đồng

Nguồn cân đối ngân sách tỉnh điều hành năm 2025: 176.151 triệu đồng, gồm:

- Vốn đầu tư nguồn ngân sách địa phương cân đối: 108.920 triệu đồng.
- Vốn sự nghiệp nguồn ngân sách địa phương cân đối: 26.228 triệu đồng.
- Dự phòng ngân sách tỉnh điều hành: 41.003 triệu đồng.

2. Nguồn chuyển nguồn năm 2024 sang năm 2025: 165.342 triệu đồng

a) Nguồn CTMTQG năm 2022, 2023, 2024 được chuyển nguồn sang năm 2025 theo quy định: 18.223 triệu đồng.

b) Nguồn NSTW bổ sung thực hiện chính sách an sinh xã hội năm 2024 chuyển sang năm 2025: 17.320 triệu đồng.

c) Nguồn tăng thu, tiết kiệm chi ngân sách cấp tỉnh năm 2024 chuyển nguồn sang năm 2025: 86.089 triệu đồng.

d) Nguồn thực hiện chính sách tiền lương năm 2024 chuyển nguồn sang năm 2025: 43.710 triệu đồng.

3. Nguồn bổ sung trong năm: 146 triệu đồng

- Nguồn tiết kiệm 5% chi thường xuyên năm 2024 để hỗ trợ xóa nhà tạm, nhà dột nát cho hộ nghèo, hộ cận nghèo: 146 triệu đồng.

(Chi tiết theo biểu 01 kèm theo)

IV. Tình hình sử dụng dự phòng ngân sách cấp tỉnh năm 2025

1. Tổng nguồn dự phòng ngân sách cấp tỉnh: 84.932 triệu đồng, gồm:

- Số đầu năm: 55.754 triệu đồng.

- Số tăng trong năm: 29.178 triệu đồng, gồm:

+ Hoàn trả nguồn dự phòng từ nguồn Trung ương bổ sung có mục tiêu năm 2025 (kinh phí hỗ trợ cho người chăn nuôi bị thiệt hại do bệnh Dịch tả lợn Châu Phi và bệnh Viêm da nổi cục năm 2024 đã được bố trí trước từ nguồn dự phòng ngân sách cấp tỉnh), số tiền 20.703 triệu đồng.

+ Bổ sung nguồn dự phòng từ nguồn thu hồi kinh phí ngân sách tỉnh hỗ trợ có mục tiêu năm 2024 còn dư, không thực hiện được của UBND huyện Bạch Thông về ngân sách cấp tỉnh, số tiền: 8.475 triệu đồng.

2. Số đã phân bổ: 43.929 triệu đồng, gồm kinh phí cấp cho các đơn vị, địa phương thực hiện các nhiệm vụ phát sinh trong năm.

3. Số chưa phân bổ: 41.003 triệu đồng

Dự phòng ngân sách cấp tỉnh năm 2025 được sử dụng đảm bảo đúng theo quy định, đã chi cho công tác phòng, chống dịch bệnh, thiên tai và nhiệm vụ cần thiết khác thuộc nhiệm vụ chi của cấp tỉnh mà chưa được dự toán theo đúng quy định hiện hành.

(Chi tiết theo biểu 02 kèm theo)

V. Một số nguyên nhân nguồn kinh phí đến nay chưa phân bổ và dự kiến phương án phân bổ nguồn kinh phí 6 tháng cuối năm 2025

1. Đối với nguồn sự nghiệp ngân sách tỉnh điều hành

Số chưa phân bổ chủ yếu từ nguồn vốn đầu tư (được điều chỉnh giảm từ các dự án) số tiền 108.920 triệu đồng. Nguồn kinh phí này chủ yếu là nguồn thu tiền sử dụng đất, phụ thuộc vào kết quả thu ngân sách. Theo đó, tùy theo số thu thực tế sẽ tiếp tục phân bổ cho các dự án đang thiếu nguồn vốn.

2. Đối với nguồn kinh phí trung ương bổ sung có mục tiêu chưa phân bổ: 146 triệu đồng để hỗ trợ xóa nhà tạm, nhà dột nát cho hộ nghèo, hộ cận nghèo sẽ tiếp tục phân bổ sau khi rà soát lại nhu cầu kinh phí của các huyện, thành phố.

3. Nguồn kinh phí năm 2024 chuyển nguồn sang năm 2025

- Nguồn CTMTQG năm 2022, 2023, 2024 được chuyển nguồn sang năm 2025 theo quy định, tuy nhiên không được phép điều chỉnh sang các dự án khác nên không tiếp tục phân bổ, sẽ hoàn trả ngân sách Trung ương: 18.223 triệu đồng.

- Nguồn NSTW bổ sung thực hiện chính sách an sinh xã hội năm 2024 chuyển sang năm 2025, số tiền 17.320 triệu đồng sẽ tiếp tục bố trí để thực hiện chính sách an sinh xã hội năm 2025 còn thiếu kinh phí.

- Nguồn tăng thu, tiết kiệm chi ngân sách cấp tỉnh năm 2024 chuyển nguồn sang năm 2025: 86.089 triệu đồng, tiếp tục phân bổ cho các dự án đầu tư và chi hỗ trợ xóa nhà tạm, nhà dột nát cho hộ nghèo, hộ cận nghèo.

d) Nguồn thực hiện chính sách tiền lương năm 2024 chuyển nguồn sang năm 2025: 43.710 triệu đồng, tiếp tục bố trí để chi trả chế độ, chính sách theo Nghị định số 178/2024/NĐ-CP ngày 31/12/2024 của Chính phủ.

4. Nguồn dự phòng ngân sách tỉnh

Dự kiến thực hiện các nhiệm vụ khắc phục hậu quả thiên tai, dịch bệnh, các nhiệm vụ cần thiết khác từ nay đến cuối năm theo quy định của Luật Ngân sách Nhà nước.

Với nội dung trên, Ủy ban nhân dân tỉnh báo cáo Hội đồng nhân dân tỉnh theo quy định./.

Nơi nhận:

- TT HĐND tỉnh;
- Các đại biểu HĐND tỉnh;
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- Các Ban HĐND tỉnh;
- Sở Tài chính;
- LĐVP (Ô. Chính, Ô. Nguyên);
- Lưu: VT, Lan.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**



Nguyễn Đăng Bình



BẢNG TỔNG HỢP CÁC NGUỒN KINH PHÍ NĂM 2025 (Thời điểm 18/06/2025)
(Kèm theo Báo cáo số **415** /BC-UBND ngày **19** tháng 6 năm 2025 của UBND tỉnh Bắc Kạn)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Nguồn kinh phí	Kinh phí còn lại chưa phân bổ	Đã phân bổ	Còn lại chưa phân bổ (đến thời điểm hiện tại)	Ghi chú
A	B	1	2	3	4
	TỔNG CỘNG (A+B+C)	1.323.358	981.719	341.639	
A	DỰ TOÁN GIAO ĐẦU NĂM 2025 (I + II)	262.334	86.183	176.151	
I	Chi cân đối ngân sách	235.252	59.101	176.151	
1	Chi đầu tư phát triển	14.960	-93.960	108.920	
1.1	Chi đầu tư xây dựng cơ bản vốn trong nước	13.732	-3.748	17.480	Tiếp tục phân bổ trong tháng 6/2025
1.2	Chi đầu tư hạ tầng từ nguồn thu tiền sử dụng đất	-	-90.839	90.839	Đây là nguồn vốn phụ thuộc vào kết quả thu ngân sách, do đó tùy theo tiến độ thu thực tế sẽ tiếp tục phân bổ cho các dự án
1.3	Chi đầu tư từ nguồn thu sở xố kiến thiết	1.228	627	601	
2	Chi thường xuyên	164.538	138.310	26.228	
2.1	Chi sự nghiệp kinh tế	47.288	47.288	-	
2.2	Chi sự nghiệp giáo dục - đào tạo và dạy nghề	34.188	7.960	26.228	
2.3	Chi thực hiện cải cách tiền lương	83.062	83.062	-	
3	Dự phòng ngân sách	55.754	14.751	41.003	
II	Chi từ nguồn bổ sung có mục tiêu từ NSTW thực hiện các CTMT, CTMTQG, nhiệm vụ, chương trình, dự án	27.082	27.082	-	
II.1	Vốn đầu tư	19.656	19.656	-	
1	Vốn trong nước				
2	Vốn nước ngoài	19.656	19.656	-	
II.2	Vốn sự nghiệp	7.426	7.426	-	
1	Vốn trong nước	7.426	7.426	-	
2	Vốn nước ngoài				
B	NGUỒN NĂM 2024 CHUYỂN SANG NĂM 2025	580.306	414.964	165.342	
I	Nguồn CTMTQG năm 2022, 2023, 2024 được chuyển nguồn sang năm 2025	18.223	-	18.223	
1	Chương trình MTQG PTKT-XH V&BDTTS&MN	16.911	-	16.911	
1.1	Vốn đầu tư (Nguồn NSTW)	1.111	-	1.111	Vốn còn dư sau quyết toán. Nguồn vốn được kéo dài, tuy nhiên không được điều chỉnh cho dự án khác. Theo đó, hết giai đoạn sẽ nộp trả ngân sách Trung ương
1.2	Vốn sự nghiệp (Nguồn NSTW)	15.800		15.800	Kinh phí còn dư, tuy nhiên không được điều chỉnh sang các dự án thành phần khác nên sẽ hoàn trả ngân sách Trung ương
2	Chương trình MTQG Xây dựng Nông thôn mới	1.096	-	1.096	
	Vốn đầu tư (Nguồn NSTW)	1.096		1.096	Vốn còn dư sau quyết toán. Nguồn vốn được kéo dài, tuy nhiên không được điều chỉnh cho dự án khác. Theo đó, hết giai đoạn sẽ nộp trả ngân sách Trung ương
3	Chương trình MTQG Giảm nghèo và bền vững	216	-	216	
	Vốn sự nghiệp (Nguồn NSTW)	216	-	216	Nguồn năm 2023 hết nhiệm vụ chi của UBND các huyện, TP đã thu hồi về NS tỉnh

STT	Nguồn kinh phí	Kinh phí còn lại chưa phân bổ	Đã phân bổ	Còn lại chưa phân bổ (đến thời điểm hiện tại)	Ghi chú
A	B	1	2	3	4
II	Nguồn kinh phí chi thường xuyên năm 2024 đã chuyển nguồn sang năm 2025 thuộc ngân sách cấp tỉnh quản lý tại Kho bạc Nhà nước cho các đơn vị sau sắp xếp năm 2025	41.617	41.617		
III	Nguồn NSTW bổ sung thực hiện chính sách ASXH năm 2024 chuyển sang năm 2025	17.320		17.320	Tiếp tục bố trí kinh phí thực hiện chính sách ASXH năm 2025 còn thiếu kinh phí
IV	Nguồn DPNS TW 2024	200.000	200.000		
V	Các khoản tăng thu, tiết kiệm chi được chuyển nguồn sang năm 2024 thuộc nguồn cân đối ngân sách tỉnh	231.113	145.024	86.089	Phân bổ cho các dự án đầu tư và chi hỗ trợ xóa nhà tạm, nhà dột nát cho hộ nghèo, hộ cận nghèo
VI	Nguồn thực hiện chính sách tiền lương năm 2024 chuyển sang năm 2025	72.033	28.323	43.710	Bổ trí để chi trả chế độ, chính sách theo Nghị định số 178/2024/NĐ-CP ngày 31/12/2024 của Chính phủ
C	NGUỒN BỔ SUNG TRONG NĂM 2025	480.718	480.572	146	
1	Kinh phí hỗ trợ cho người chăn nuôi bị thiệt hại do bệnh Dịch tả lợn Châu Phi và bệnh Viêm da nổi cục năm 2024	20.703	20.703	-	Hoàn trả nguồn dự phòng ngân sách cấp tỉnh do năm 2024 đã ứng trước nguồn dự phòng để thực hiện nhiệm vụ
2	Phân bổ sử dụng nguồn tiết kiệm 5% chi thường xuyên năm 2024 để hỗ trợ xóa nhà tạm, nhà dột nát cho hộ nghèo, hộ cận nghèo	146		146	Tiếp tục phân bổ sau khi rà soát lại nhu cầu kinh phí của các huyện, thành phố
3	Bổ sung dự toán chi thường xuyên NSNN năm 2025 cho các bộ, cơ quan ở trung ương và các địa phương thực hiện Chương trình MTQG giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021- 2025	138.371	138.371	-	
4	Bổ sung dự toán chi thường xuyên NSNN năm 2025 của các bộ cơ quan ở Trung ương và các địa phương thực hiện CTMTQG PT KTXH vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi	321.498	321.498	-	



TÌNH HÌNH SỬ DỤNG NGUỒN DỰ PHÒNG NGÂN SÁCH CẤP TỈNH 6 THÁNG ĐẦU NĂM 2025

(Kèm theo Báo cáo số **415** /BC-UBND ngày **19** tháng 6 năm 2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bắc Kạn)

Đơn vị tính: Triệu đồng

STT	Nội dung	Số tiền	Đơn vị thực hiện
I	Dự toán đầu năm	55.754	
II	Số tăng trong năm	29.178	
1	Bổ sung kinh phí hỗ trợ cho người chăn nuôi bị thiệt hại do bệnh Dịch tả lợn Châu Phi và bệnh Viêm da nổi cục năm 2024 trên địa bàn tỉnh Bắc Kạn	20.703	
2	Thu hồi nguồn kinh phí ngân sách tỉnh hỗ trợ có mục tiêu năm 2024 còn dư, không thực hiện được của UBND huyện Bạch Thông về ngân sách cấp tỉnh	8.475	
III	Số phân bổ trong năm 2025	43.929	
1	Bổ sung kinh phí cho Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh thực hiện nhiệm vụ năm 2025	50	Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh
2	Cấp bổ sung kinh phí cho các đơn vị để thực hiện nhiệm vụ năm 2025, gồm:	150	
-	Kinh phí tổ chức đào tạo, bồi dưỡng cho những người làm công tác thống kê tại Sở, ngành và địa phương	7	Cục Thống kê tỉnh
-	Kinh phí xử lý bom chưa nổ còn sót lại sau chiến tranh	143	Bộ Chỉ huy quân sự tỉnh
3	Cấp bổ sung kinh phí cho các đơn vị để thực hiện nhiệm vụ năm 2025, gồm:	129	
-	Kinh phí xây dựng văn bản quy phạm pháp luật	33	Sở Nông nghiệp và Môi trường
-	Kinh phí để chi trả chế độ cho người bị tai nạn lao động (viên chức Trung tâm Pháp y và Giám định y khoa tỉnh)	25	Sở Y tế
-	Kinh phí chi trả trợ cấp thôi việc cho lao động hợp đồng	51	Hội Cựu chiến binh tỉnh
-	Kinh phí tham dự Đại hội các hội chuyên ngành Trung ương, nhiệm kỳ 2025-2030	20	Hội Văn học nghệ thuật tỉnh
4	Bổ sung kinh phí cho các cơ quan, đơn vị để Tổ chức các hoạt động kỷ niệm 125 năm ngày thành lập tỉnh Bắc Kạn	4.276	Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch (3.378,589trđ), Tỉnh đoàn BK: 3,62trđ, Văn phòng UBND tỉnh: 725,5trđ, Sở Y tế: 5trđ, Công an tỉnh: 25,56trđ, Đài PHTH tỉnh: 60,631trđ, Báo BK: 61,6trđ, Công ty Điện lực BK: 15trđ
5	Tổ chức Tuần Văn hóa - Du lịch tỉnh Bắc Kạn năm 2025	7.449	Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch (7.043,808trđ), Hội VHNT tỉnh: 199,25trđ, Sở Y tế: 10trđ, Công an tỉnh: 91,08trđ, Đài PHTH tỉnh: 54,117trđ, Báo BK: 17,2trđ, Công ty Điện lực BK: 20trđ, Bộ CHQS tỉnh: 13,38trđ
6	Bổ sung kinh phí cho Sở Nội vụ để tổ chức đoàn đại biểu tham gia các hoạt động kỷ niệm 50 năm Ngày Giải phóng miền Nam, thống nhất đất nước (30/4/1975-30/4/2025)	705	Sở Nội vụ

STT	Nội dung	Số tiền	Đơn vị thực hiện
7	Cấp bổ sung kinh phí cho các đơn vị để thực hiện nhiệm vụ năm 2025, gồm:	3.472	
-	Kinh phí hỗ trợ cho cán bộ luân chuyển	7	UBND huyện Ngân Sơn
-	Kinh phí phục vụ công tác xây dựng Đề án sắp xếp đơn vị hành chính cấp xã	121	Sở Nội vụ
-	Kinh phí chỉnh lý tài liệu	475	Sở Nội vụ
-	Kinh phí chi trả chế độ cho người bị tai nạn lao động (viên chức Trung tâm y tế huyện Pác Nặm)	30	Sở Y tế
	Kinh phí di dời sang cơ sở mới của Trung tâm y tế huyện Ngân Sơn	239	Sở Y tế
-	Kinh phí đặt hàng cung cấp sản phẩm dịch vụ công ích thủy lợi năm 2025	1.839	Sở Nông nghiệp và Môi trường
-	Kinh phí thực hiện chế độ điều dưỡng đối với cán bộ diện Ban Thường vụ Tỉnh ủy quản lý	401	Văn phòng Tỉnh ủy
-	Kinh phí xây dựng văn bản quy phạm pháp luật	362	Sở Nội vụ: 9,9trđ; Sở Y tế: 34,5trđ; Văn phòng UBND tỉnh: 33,9trđ; Sở Công thương: 43,5trđ; Sở Tư pháp: 15,25trđ; Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch: 20,96trđ; Sở Nông nghiệp và Môi trường: 137,6trđ; Sở Tài chính: 66,1trđ
8	Bổ sung kinh phí cho Sở Công Thương để chi cho hoạt động bộ máy của Chi cục Quản lý thị trường năm 2025	6.831	Sở Công Thương
9	Cấp bổ sung kinh phí cho các đơn vị để thực hiện nhiệm vụ năm 2025, gồm:	59	
-	Kinh phí chi trả trợ Cấp thôi việc cho lao động hợp đồng	40	Sở Nông nghiệp và Môi trường
-	Kinh phí xây dựng văn bản quy phạm pháp luật	19	Công an tỉnh
10	Cấp bổ sung kinh phí cho các đơn vị để thực hiện nhiệm vụ năm 2025, gồm:	7.011	
-	Kinh phí khắc phục sạt lở do ảnh hưởng của bão số 3 và thiên tai năm 2024	7.000	UBND thành phố: 4.500trđ; UBND huyện Chợ Đồn: 2.500trđ
-	Kinh phí trả nợ quyết toán các công trình (Dự án Cấp nước sinh hoạt cho cơ sở cai nghiện ma túy và Trại tạm giam Công an tỉnh Bắc Kạn)	11	Công an tỉnh
11	Kinh phí thực hiện nhiệm vụ ký kết hợp đồng với đơn vị cung cấp dịch vụ quản trị, vận hành duy trì phần mềm quản lý văn bản và điều hành (iOffice)	242	Sở Công Thương
12	Kinh phí để thực hiện bảo vệ rừng tự nhiên phòng hộ, sản xuất đối với diện tích do Ủy ban nhân dân cấp xã quản lý, chưa giao, chưa cho thuê tại các xã khu vực II, III năm 2025	8.805	Ủy ban nhân dân các huyện
13	Hỗ trợ hoạt động bảo vệ đất trồng lúa trên địa bàn tỉnh	4.751	UBND các huyện, thành phố
IV	Số dư đến ngày 17/6/2025	41.003	